

Số: 300/QĐ - THCSNCT

Sơn Trà, ngày 30 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai báo cáo thường niên năm 2024
của trường THCS Nguyễn Chí Thanh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN CHÍ THANH

Căn cứ Quyết định số 4214/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà về việc tổ chức lại trường Trung học cơ sở Nguyễn Chí Thanh;

Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kết quả năm học 2023-2024 và tình hình thực tế nhà trường 2024-2025;
Theo đề nghị của Tổ Văn phòng trường THCS Nguyễn Chí Thanh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai báo cáo thường niên năm 2024 của trường THCS Nguyễn Chí Thanh năm học 2023-2024 và 2024-2025 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ Văn phòng, tổ chuyên môn, các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, KT(KA).



Số: 297/BC-THCSNCT

Sơn Trà, ngày 27 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện công khai đối với các CSGD năm học 2024 - 2025.

Trường THCS Nguyễn Chí Thanh đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và báo cáo nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin chung:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Nguyễn Chí Thanh, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.

2. Địa chỉ: Số 31 đường Trần Duy Chiên, phường Mân Thái, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3848316

Website: <https://nguyenchithanh.edu.vn/>

Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: UBND Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Được sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng, UBND quận Sơn Trà, Phòng GDĐT quận Sơn Trà, Đảng ủy, UBND phường Mân Thái, sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhiệt tình của các ban ngành đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, với quyết tâm cao thầy và trò trường THCS Nguyễn Chí Thanh đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Quy mô trường lớp được giữ vững.

Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối khang trang; đầy đủ phòng học, phòng chức năng; phòng bộ môn cơ bản đủ, có trang thiết bị đạt chuẩn; khu sân chơi, khu luyện tập TDTT đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Tổng quan nhà trường được bố trí, quy hoạch một cách khoa học, ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng sửa sang và tu bổ khuôn viên, tôn tạo

cảnh quan đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy kết quả nhà trường đã đạt được trong giai đoạn 2015-2020. Từ đó, xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục nhà trường nói riêng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung

4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

- Lịch sử hình thành:

Trường THCS Nguyễn Chí Thanh đóng trên địa bàn phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Trường được thành lập từ năm 1977 gồm hai cấp học là cấp 1 và cấp 2 có tên gọi trường cấp 1, 2 Mân Thái. Đến năm 1981 được đổi tên thành PTCS Nguyễn Chí Thanh.

+ Năm 1997, tách thành hai trường là tiểu học Quang Trung và THCS Nguyễn Chí Thanh nhưng vẫn sử dụng chung một cơ sở. Đến năm học 2002 -2003 được sự quan tâm của lãnh đạo Đảng và chính quyền các cấp, trường THCS Nguyễn Chí Thanh được xây dựng cơ sở mới tại 31 Trần Duy Chiến, phường Mân Thái với diện tích gần 9800 m² gồm hai khu nhà ba tầng đối xứng nhau, trong đó khu học tập của học sinh với 18 phòng học và khu hiệu bộ có đầy đủ các phòng làm việc, phòng thí nghiệm thực hành, CNTT, thư viện, hội trường...

+ Ngày 03/11/2015, UBND quận Sơn Trà ban hành Quyết định số 4214/QĐ-UBND về việc tổ chức lại trường trung học cơ sở Nguyễn Chí Thanh.

Hiện nay nhà trường đang được tiến hành cải tạo xây dựng mới theo các quyết định phê duyệt của cấp trên.

5. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:

Ông: Mai Huyền Thu Hoài

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Nguyễn Chí Thanh, Số 31 Trần Duy Chiến, phường Mân Thái, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

Điện thoại: 0905077697.

6. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép

hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

- Quyết định số 4214/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 của UBND quận Sơn Trà ban hành về việc tổ chức lại Trường Trung học cơ sở Nguyễn Chí Thanh.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hội đồng trường được kiện toàn theo Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND Quận Sơn Trà nhiệm kỳ 2020-2025 do chủ tịch UBND Quận Sơn Trà ông Hoàng Sơn Trà ký. Hội đồng trường gồm: Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng nhà trường; Chủ tịch Công đoàn; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; đại diện Tổ chuyên môn, Tổ Văn phòng; đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh.

Đồng chí Mai Huyền Thu Hoài - Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng; Đồng chí Phạm Thị Thu Hằng - Chủ tịch Công đoàn, PHT làm Phó Chủ tịch Hội đồng; Đồng chí Nguyễn Thị Thu Mỹ làm thư ký Hội đồng trường.

Hiệu trưởng: Mai Huyền Thu Hoài

Ngày tháng năm sinh: 21/12/1970

+ Chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Chí Thanh ngày 20/07/2021 theo Quyết định số 2877/QĐ-UBND ngày 20/07/2021 của Chủ tịch UBND quận Sơn Trà, về việc chuyển công tác và bổ nhiệm chức vụ quản lý.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 03 năm.

Phó hiệu trưởng: Phạm Thị Thu Hằng

+ Ngày tháng năm sinh: 08/03/1980

+ Theo quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Nguyễn Chí Thanh vào ngày 05 tháng 3 năm 2021 theo quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch UBND quận Sơn Trà.

Phó hiệu trưởng: Vũ Tuấn Anh

+ Ngày tháng năm sinh: 20/01/1989

+ Theo quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Nguyễn Chí Thanh vào ngày 06/12/2023 theo quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của ủy ban nhân Quận Sơn Trà

7. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội

QUA
TR
RUNG
NGUYỄN
10

đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; (có văn bản kèm theo)

II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

1. Số biên chế được UBND Quận Sơn Trà giao năm 2024:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	1	1	0	0	1	0
Phó Hiệu trưởng	2	1	0	0	1	1
Giáo viên	51	46	0	1	43	7
Nhân viên	5	5	0	0	4	1
Hợp Đồng 111	5	3	0	0	5	0
Hợp Đồng NQ 20 TP	0	0	0	0	0	0
Cộng	64	56	0	1	54	9

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở Nguyễn Chí Thanh năm học 2024-2025

TT	Nội Dung	Tổng Số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
	Tổng số GV,CB,NV		Th s	ĐH	C Đ	T C	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	T	Kh	T B	K e
		64	9	52	3									
	Giáo viên Trong đó số GV dạy môn:	56	7	48	1			19	37		56			
1	Văn	9	1	8				2	7		9			
2	Toán	11	3	8				4	7		11			
3	Anh	6	1	4	1			3	3		6			
4	Lịch sử - Địa lý	6		6				2	4		6			
5	KHTN	15	2	13				6	9		15			

6	GDTC	3		3				1	2		3			
7	Nghệ Thuật	4		4				1	3		4			
8	GDĐP													
9	HĐTNHN													
10	Tin	2		2					2		2			
11	Công Nghệ													
12	GDCD													
13	TPT													
I	CBQL	3	1	2					2	1	3			
	Hiệu trưởng	1		1						1	1			
	Phó Hiệu trưởng	2	1	1					1	1	2			
II	Nhân viên	5	1	2	2									
	Nhân viên Vthư	1		1										
	Nhân viên Kế Toán	1		1										
	Thủ quỹ													
	Nhân viên y tế	1			1									
	Nhân viên thư viện	1			1									
	Thiết bị dạy học	1	1											
III	Giáo viên chuyên trách Đội													

III. Cơ sở vật chất:

1. Tổng quan trường học

Trong trường có diện tích đất 9.800 m², khuôn viên sân trường tương đối rộng, thoáng mát, được xây dựng ở môi trường yên tĩnh, có lộ giao thông thuận tiện cho học sinh đến trường, diện tích bình quân 10.1 m²/học sinh;

Trong khuôn viên trường có nhiều cây xanh tạo bóng mát và các loại cây hoa để tăng tính thẩm mỹ cho sân trường, đảm bảo khuôn viên xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh;

Trường có công trường, biển tên trường, đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ, có tường rào bảo vệ khép kín và có chông sắt cao 2.5m đảm bảo an toàn. Công

chính của trường được xây dựng kiên cố, rộng rãi, cao ráo bảo đảm an toàn cho các bậc phụ huynh đưa đón học sinh, kể cả trong giờ cao điểm. Biển tên trường được lắp đặt rõ ràng, đảm bảo về mỹ quan, nội dung biển tên trường đúng theo quy định Điều lệ trường Trung học cơ sở;

Trường có sân chơi với diện tích khoảng 4.500 m², nền bê tông đảm bảo diện tích khuôn viên, sân chơi, bãi tập theo quy định. Sân chơi, sân tập bằng phẳng đảm bảo an toàn cho học sinh vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao, có các dụng cụ luyện tập thể dục, thể thao cho học sinh như: bóng chuyền, bóng đá mi ni, cầu lông...

Nhà trường có hợp đồng 02 nhân viên làm công tác dọn vệ sinh, trang bị đầy đủ các thùng rác ở khuôn viên sân trường hợp lý đảm bảo môi trường sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi TDTT, khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Tên phòng	Số lượng	Ghi chú
I	KHỐI HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ	07	Phòng làm việc
1	Hiệu trưởng	01	
2	Phó hiệu trưởng	02	
3	Văn phòng	01	
4	Kế toán	01	
5	Liên đội	01	
6	Bảo vệ	01	
II	KHỐI PHÒNG HỌC TẬP	28	
1	Phòng học	18	1 phòng có diện tích 56 m ² /lớp
2	Âm nhạc	01	
3	Nhà đa năng	01	Diện tích gần 300 m ²
4	Tin học	02	
5	Lý- công nghệ	01	
6	Hoá- sinh	01	
7	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	01	
8	Bồi dưỡng	03	
III	KHỐI HỖ TRỢ HỌC TẬP	04	
1	Đoàn thể	01	
2	Tiếp dân	01	
3	Thiết bị	01	
4	Thư viện	01	
IV	KHỐI PHỤ TRỢ	16	
1	Hội trường	01	
2	Truyền thống	01	

3	Phòng họp tổ chuyên môn		Sử dụng phòng học
4	Phòng giáo viên	01	
5	Y tế	01	
6	Nhà kho	02	
7	Khu để xe giáo viên	01	
8	Khu để xe học sinh	01	
9	Khu vệ sinh giáo viên	05	05 khu VS nam; 05 khu VS nữ
10	Khu vệ sinh học sinh	03	02 khu VS nam; 03 khu VS nữ và 01 khu VS cho HS khuyết tật
11	Cổng, tường rào	03	03 cổng, tường rào bao quanh
V	KHU SÂN CHƠI TDTT	04	
	Sân chung	01	
	Sân tập thể dục	02	
	Nhà đa năng	01	
VI	THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ		
1	Máy vi tính	08 bộ	Khối hành chính quản trị
2	Máy vi tính	70 bộ	Khối phòng học tập (phòng tin)
3	Máy chiếu	18 bộ	
4	Cát sét	05	
	Ti vi	06	
	Dàn âm thanh	02	
	Loa	02	
	Đàn	02	

3. Danh mục SGK được phê duyệt

- Sách giáo khoa khối lớp 6

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 6 tập 1 - Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
2	Toán 6 tập 2 - Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
3	Tin học 6 - Kết nối tri thức với cuộc sống	Hồ Sĩ Đàm, Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung	Đại học Sư phạm
4	Ngữ Văn 6 tập 1 - Chân trời sáng tạo	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn	Giáo dục Việt Nam

11/01/2021
 G
 CƠ
 HẠN
 NG

		Thị Hải Phương	
5	Ngữ Văn 6 tập 2 - Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Phan Huy Dũng, Phạm Đăng Xuân Hương, Đặng Lưu, Nguyễn Thanh Tùng	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 6 - Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ	Giáo dục Việt Nam
7	Tiếng Anh 6 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương	Đại học Sư phạm TP HCM
8	Lịch sử & Địa lí 6 - Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên), Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam
9	Khoa học tự nhiên 6 - Kết nối tri thức với cuộc sống	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhị, Trần Ngọc Thắng	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 6 - Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Trần Văn Sỹ	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 6 - Cánh diều	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng chủ biên), Ngô Việt Hoàn, Nguyễn Mạnh Toàn (đồng Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Bình, Nguyễn Xuân Đoàn, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Đỗ Mạnh Hưng, Lê Chí Nhân, Phạm Hoài Quyên, Phạm Mai Vương	Giáo dục Việt Nam
12	Âm nhạc 6 - Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
13	Mĩ thuật 6 - Chân trời sáng tạo	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng chủ biên), Phạm Thị Chinh, Phạm Minh Phong (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị May, Đoàn Dũng Sĩ	Giáo dục Việt Nam
14	Hoạt động trải	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên(đồng	Giáo dục

	nghiệm 6 - Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hùng, Nguyễn Thị Bích Lieen, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yên Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn	Việt Nam
--	-------------------------------------	---	----------

- Sách giáo khoa khối lớp 7

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 7 (tập 1) - Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên) – Lê Tuấn Anh – Đỗ Tiến Đạt – Nguyễn Sơn Hà – Nguyễn Thị Phương Loan – Phạm Sỹ Nam – Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
2	Toán 7 (tập 2) - Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên) – Lê Tuấn Anh – Đỗ Tiến Đạt – Nguyễn Sơn Hà – Nguyễn Thị Phương Loan – Phạm Sỹ Nam – Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
3	Ngữ văn 7 (tập 1) - Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) Phan Huy Dũng – Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên) Nguyễn Thị Mai Liên – Lê Trà My – Lê Thị Minh Nguyệt Nguyễn Thị Nương – Nguyễn Thị Hải Phương	Giáo dục Việt Nam
4	Ngữ văn 7 (tập 2) - Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) Phan Huy Dũng – Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên) Dương Tuấn Anh – Nguyễn Linh Chi – Đặng Lưu	Giáo dục Việt Nam
5	Global Success 7	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên) – Nguyễn Thị Chi (Chủ biên) Lê Kim Dung – Nguyễn Thị Phương Lan – Phan Chí Nghĩa – Lương Quỳnh Trang – Nguyễn Quốc Tuấn	Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử và Địa lí 7 - Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử) Nghiêm Đình Vỹ (Tổng chủ biên cấp THCS phần Lịch sử) Nguyễn Thị Côi – Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử) Phạm Đức Anh – Phạm Thị Thanh Huyền – Đặng Hồng Sơn Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí) Nguyễn Đình Giang – Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên phần Địa lí) Nguyễn Thị Thu Hiền – Đặng Thị Huệ – Phí	Giáo dục Việt Nam

		Công Việt	
7	Khoa học tự nhiên 7 – Cánh điều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên) Đinh Quang Bảo – Nguyễn Văn Khánh – Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên) Nguyễn Văn Biên – Đào Tuấn Đạt – Phan Thị Thanh Hội – Ngô Văn Hưng Đỗ Thanh Hữu – Đỗ Thị Quỳnh Mai – Phạm Xuân Quế – Trương Anh Tuấn – Ngô Văn Vụ	Đại học Sư phạm
8	Công nghệ 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) Đồng Huy Giới (Chủ biên) Cao Bá Cương – Bùi Hữu Đoàn Bùi Thị Thu Hương – Kim Văn Vạn	Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên) Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên) Phan Anh – Bùi Việt Hà Đinh Thị Hạnh Mai – Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên) Trần Thị Thu (Chủ biên) Nguyễn Thanh Bình – Dương Thị Thu Hà Nguyễn Thu Hương – Nguyễn Thị Việt Nga - Lê Thị Thanh Thủy	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục công dân 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toang (Tổng Chủ biên) Trần Thị Mai Phương (Chủ biên) Nguyễn Hà An – Nguyễn Thị Hoàng Anh Phạm Thị Kim Dung – Nguyễn Thị Thọ	Giáo dục Việt Nam
12	Mĩ thuật 7 – Cánh điều	Nguyễn Văn Tuyển (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Ngô Thị Hương – Nguyễn Duy Khuê Nguyễn Thị My – Nguyễn Thị Hồng Thắm	Đại học Sư phạm
13	Giáo dục thể chất 7 – Cánh điều	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên) – Bùi Ngọc (Chủ biên) Nguyễn Ngọc Tuấn – Nguyễn Xuân Trãi – Đặng Thị Thu Thủy	Đại học Sư phạm
14	Âm nhạc 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long – Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên) Vũ Mai Lan (Chủ biên) – Bùi Minh Hoa Lê Thị Tuyết – Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa khối lớp 8

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 8, tập một - Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	
2	Toán 8, tập hai - Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Tin học 8 - Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Ngữ văn 8, tập một - Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Ngữ văn 8, tập hai - Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 8 - Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Tiếng Anh 8 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Nguyễn Thụy Phương Lan, Trần Thị Hiều Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Khoa học tự nhiên 8 - Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh, Nguyễn Thị Thuần, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền, Nguyễn Văn Vịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 8 - Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 8 - Cánh diều	Phạm Văn Tuyền (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Từ Duy, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Hồng Thắm.	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản – Thiết bị Giáo

			dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
11	Giáo dục thể chất 8 - Cánh diều	Đinh Quang Ngọc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu.	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 8 - Chân trời Sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng Chủ biên), Lại Thị Yến Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13	Lịch sử và Địa lí 8 - Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
14	Công nghệ 8 - Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Nguyễn Thị Thúy, Trương Minh Trí, Phạm Huy Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa khối lớp 9

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Doan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Doan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	
3	Ngữ văn 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Ngữ văn 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Tiếng Anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Khoa học tự nhiên 9 Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Đương, Phạm Thị Hương, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Hoàng Vĩnh Phú, Nguyễn Tấn Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Lịch sử và Địa lí 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Phạm Khánh Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 9	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy	Nhà xuất bản

	- Mô đun Trồng cây ăn quả Kết nối tri thức với cuộc sống	Giới (Chủ biên), Bùi Thị Thu Hương, Đào Quang Nghị.	Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 9 - Mô đun Chế biến thực phẩm Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Xuân Thành (Chủ biên), Đặng Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Hồng Tiến.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tin học 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13	Giáo dục thể chất 9 Cánh Diều	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
14	Giáo dục công dân 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
15	Âm nhạc 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
16	Mĩ thuật 9 Chân trời sáng tạo bản 1	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
17	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 Chân trời sáng tạo bản 1	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục:

Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá, xây dựng và triển khai kế hoạch tự đánh giá; phân công giáo viên, nhân viên trong nhà trường xác định nội hàm, dự thảo minh chứng, lập danh mục minh chứng, thu thập minh chứng và mô tả thực trạng, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu theo 28 tiêu chí mức 1-2 và 20 tiêu

chỉ mức 3 của 05 tiêu chuẩn theo quy định.

Tính đến thời điểm tháng 10 năm 2024, nhà trường đã thực hiện được các công việc sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch tự đánh giá; phân công giáo viên, nhân viên trường thực hiện các tiêu chí theo quy định.
- Hoàn thành phiếu xác định nội hàm, dự thảo danh mục mã minh chứng.
- Thu tập minh chứng các năm trước và minh chứng năm học 2024-2025.
- Dự thảo được phiếu đánh giá tiêu chí.

Qua dự thảo phiếu đánh giá tiêu chí và các minh chứng thu được; nhà trường dự báo kết quả kiểm định chất lượng cấp độ 2.

V. Kết quả hoạt động giáo dục:

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2024-2025

1.1. Kế hoạch tuyển sinh (BV kèm theo)

Kế hoạch số 161 /KH-THCSNCT ngày 27/05/2024 của Trường THCS Nguyễn Chí Thanh - UBND quận Sơn Trà.

1.2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường (VB kèm theo)

Kế hoạch số 298/KH-THCSNCT ngày 27/09/2024 của Trường THCS Nguyễn Chí Thanh - UBND quận Sơn Trà.

1.3. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh (VB kèm theo)

1.4. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh của nhà trường:

- Hoạt động trải nghiệm môn học (kèm theo Phụ lục 2 CV 5512 của tổ CM);
- KH tổ chức sinh hoạt CLB Tiếng Anh, CLB Lịch sử- Địa lý, CLB Toán học, CLB Khoa học tự nhiên, CLB Văn học, CLB Thể thao.
- Các hoạt động chào mừng ngày NGVN 20/10, 20/11, 8/3;
- Hội trại tháng 3;
- Dâng hương tại địa chỉ đỏ: Tượng đài liệt sĩ Mân Thái, nghĩa trang Gò Hà.
- Thăm làng gốm Thanh Hà- Hội An, Hải đội 314, Bảo tàng Đà Nẵng, Nhà trưng bày Hoàng Sa.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024

- Kết quả tuyển sinh: 279 học sinh
- Tổng số học sinh theo khối:
 - + Khối 6: 279 học sinh/ 7 lớp (Tỉ lệ: 40 học sinh/ lớp)
 - + Khối 7: 259 học sinh/ 8 lớp (Tỉ lệ: 32 học sinh/ lớp)

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIÁO DỤC

- + Khối 8: 182 học sinh/ 6 lớp (Tỉ lệ: 31 học sinh/ lớp)
- + Khối 9: 246 học sinh/ 7 lớp (Tỉ lệ: 35 học sinh/ lớp)
- Số học sinh học 2 buổi/ ngày: Không
- Số học sinh nam/nữ: 513/453
- Học sinh là người dân tộc thiểu số: Không
- Học sinh khuyết tật: 12 học sinh
- Số học sinh chuyển trường: 10 học sinh
- Số học sinh chuyển đến: 1 học sinh

Kết quả đánh giá học sinh:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	966	279	259	182	246
1	Tốt (tỷ lệ % so với tổng số)	906 93.79%	278 99.64%	229 88.42%	171 93.96%	228 92.68%
2	Khá (tỷ lệ % so với tổng số)	51 5.28%	0 0.00%	27 10.42%	7 3.85%	17 6.91%
3	Trung bình hoặc Đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	8 0.83%	0 0.00%	3 1.16%	4 2.19%	1 0.41%
4	Yếu hoặc Chưa đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	1 0.1%	1 0.36%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
II	Số học sinh chia theo học lực	966	279	259	182	246
1	Giỏi (tỷ lệ % so với tổng số)	222 22.98%	85 30.46%	60 23.17%	31 17.03	46 18.70%
2	Khá (tỷ lệ % so với tổng số)	343 35.51%	105 37.63%	82 31.66%	69 37.91%	87 35.36%
3	Trung bình hoặc Đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	360 37.26%	81 29.03%	99 38.22%	67 36.81%	113 45.94%
4	Yếu hoặc Không đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	41 4,25%	8 2.88%	18 6.95%	15 8.25%	0 0.00%

5	Kém (tỷ lệ % so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	966	279	259	182	246
1	Lên lớp (tỷ lệ % so với tổng số)	925 95,76%	271 97.13%	93.05	91,76	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ % so với tổng số)	222 22.98%	85 30.46%	60 23.17%	31 17.03	46 18.70%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ % so với tổng số)	343 35.51%	105 37.63%	82 31,66%	69 37.91%	87 35.36%
2	Thi lại (tỷ lệ% so với tổng số)	41 4.24%	8 2.87%	18 6.95%	15 8.2%	0 0.00%
3	Lưu ban(tỷ lệ % so với tổng số)	8 0.72%	3 0.71%	1 0.38%	4 2.19%	0 0.00%
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ % so với tổng số)	1/5	0/2	1/2	0/0	0/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ %so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)(tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	12	0	2	0	10
2	Cấp tỉnh/thành phố	13	0	2	0	11
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	246	0	0	0	246
VI	Số học sinh được công nhận tốt	246	0	0	0	246

	ng nghiệp					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	46 18.7%	0	0	0	46 18.7%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	87 35.36%	0	0	0	87 35.36%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	113 45.94%	0	0	0	113 45.94%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	513/453	143/136	141/118	94/88	135/111
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

- Số lượng học sinh lên lớp : 925 học sinh
- Số lượng học sinh không được lên lớp (Thi lại hoặc rèn luyện lại trọng hè): 41 học sinh
- Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình THCS: 246 học sinh
- Số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS: 246 học sinh, trong đó số người học đã học hết chương trình THCS nhưng chưa tốt nghiệp từ những kỳ thi hoặc lần xét trước: 0 học sinh.
- Số học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 242 học sinh

VI. Kết quả tài chính năm 2023

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2023

Căn cứ phân bổ dự toán thu chi NSNN năm 2023 theo Quyết định số 48684/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của UBND quận Sơn Trà và các quyết định điều chỉnh trong năm cho nhà trường;

Căn cứ quyết định số 105/QĐ-NCT ngày 11 tháng 9 năm 2023 của trường THCS Nguyễn Chí Thanh ban hành giá dịch vụ vệ sinh năm học 2023-2024;

Căn cứ Thông báo số 446/TB-TCKH ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Phòng Tài chính- Kế hoạch quận Sơn Trà về việc thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3235/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023 của Quận Sơn Trà;

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

a) Nguồn ngân sách:
Đồng

ĐVT:

NỘI DUNG	NGUỒN CHI	
	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	70.059.000	
DỰ TOÁN GIAO (2)	9.890.407.000	699.800.021
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)	651.262.291	
DỰ TOÁN ĐƯỢC SỬ DỤNG (1+2+3+4)	10.611.728.291	699.800.021
QUYẾT TOÁN CHI	10.561.728.291	699.800.021
1. Tiền lương	4.819.459.814	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	73.915.733	
3. Phụ cấp lương	2.344.502.932	
4. Các khoản đóng góp	1.380.704.020	
5. Phúc lợi tập thể	465.520.000	
6. Chi thu nhập tăng thêm	912.992.775	
7. Thanh toán dịch vụ công cộng	85.578.148	
8. Vật tư văn phòng	53.849.600	
9. Thông tin tuyên truyền, liên lạc	27.556.972	
10. Hội nghị	334.000	
11. Công tác phí	35.950.000	
12. Chi phí thuê mướn	158.954.754	
13. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	99.703.546	
14. Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		180.000.000
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	96.265.997	
16. Chi khác	6.440.000	1.800.000
17. Phụ cấp dạy học sinh khuyết tật		156.005.021
18. Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		229.515.000
19. Trợ cấp Tết thành phố		132.480.000
DỰ TOÁN CÒN LẠI	50.000.000	0
CHUYỂN SANG NĂM 2024	50.000.000	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Học phí	VS học đường	Học thêm các môn văn hóa	Phí giữ xe đạp	Cho thuê căn tin
1	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ	299.654.877	4.787.857	66.675.000	124.992.020	9.600.000	93.600.000
	Giảm trừ Doanh thu (Thuế GTGT)						4.680.000
2	Giá vốn hàng bán	207.699.342	4.787.857	66.675.000	113.058.820	9.600.000	13.577.665
3	Chi phí quản lý của hoạt động SXKD, dịch vụ				11.933.200		
a	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên				11.933.200		
5	Chi phí thuế						4.680.000

	TNDN						
6	Kết quả kinh doanh dịch vụ						70.662.335

b) Nguồn dịch vụ:

c) Nguồn khác: thu hộ, chi hộ

- Tiền BHYT học sinh: NH 2023-2024

Tổng thu: 489.321.000 đồng (723 thẻ)

Chi nộp gia hạn thẻ : 489.321.000 đồng

- Kinh phí CSSKBD :

Năm trước chuyển sang: 26.822.510 đồng

Cấp năm 2023: 31.046.554 đồng

Tổng chi: 33.322.690 đồng

+ Chi mua thuốc, xét nghiệm nước: 14.402.690 đồng

+ Khám sức khỏe cho học sinh: 18.920.000 đồng

Chuyển sang năm sau: 24.546.374 đồng

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số học sinh	Số tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	100% học sinh được miễn		TP hỗ trợ theo Nghị quyết số 43/2023/NQ-HĐND
2	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ		41.850.000	
2.1	Học kỳ 1 năm học 2023-2024	94	56.400.000	
2.2	Học kỳ II năm học 2023-2024	64	48.000.000	
3	Đối tượng được hỗ trợ học bổng: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH		17.480.000	



3.1	Học kỳ 1 năm học 2023-2024	5	23.840.000	
3.2	Học kỳ II năm học 2023-2024	5	36.000.000	

3. Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 và dự kiến 2 năm tiếp theo:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2023-2024			
1	Học phí	đồng/học sinh/năm học	0	TP hỗ trợ theo Nghị quyết số 43/2023/NQ-HĐND
2	Vệ sinh học đường	đồng/học sinh/năm học	70.000	
3	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	56.700	Thu 12 tháng: 680.400 đồng
4	Học thêm các môn văn hóa	Đồng/học sinh/tiết	10.625	1 tháng: 170.000 đồng/ 1hs/1 môn
II	Năm học 2024-2025			
1	Học phí	đồng/học sinh/năm học	0	TP hỗ trợ theo Nghị quyết số 50/2024/NQ-HĐND
2	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	73.710	Thu 12 tháng: 884.520 đồng
3	Học thêm các môn văn hóa	Đồng/học sinh/tiết	11.250	1 tháng: 180.000 đồng/ 1hs/1 môn
III	Năm học 2025-2026			
1	Học phí	đồng/học sinh/năm học	0	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền
2	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng		Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền
3	Học thêm các môn văn hóa	Đồng/học sinh/tiết	12.500	1 tháng: 200.000 đồng/ 1hs/1 môn

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2023

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
2	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	353.312.235	

VII. Cách thức và thời gian công khai

1. Cách thức công khai

a. Công khai trên cổng thông tin của nhà trường

- Các nội dung công khai đối với các hoạt động của trường.

- Báo cáo thường niên để cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của trường tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm bằng Phụ lục I của Thông tư.

- Bố trí nội dung công khai trên cổng thông tin điện tử của trường đảm bảo thuận lợi cho việc truy cập và tiếp cận thông tin.

b. Phổ biến nội dung công khai vào đầu năm học mới.

c. Các hình thức công khai theo qui định của pháp luật.

2. Thời gian công khai

2.1 Thời điểm công khai của nhà trường:

a. Công bố công khai các nội dung theo qui định tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 14 của Thông tư trước 30 tháng 6 hàng năm.

b. Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo qui định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 14 của Thông tư trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Đối với số liệu liên quan tới báo cáo tài chính năm trước thì phải cập nhật đến hết thời gian quyết toán.

2.2 Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử của trường: Tối thiểu là 5 năm từ ngày công bố công khai.

2.3 Ngoài thực hiện công khai theo qui định tại khoản 1, 2 Điều 15 của Thông tư nhà trường công khai theo qui định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT quận Sơn Trà;
- UBND phường Mân Thái;
- CB, GV, NV toàn trường;
- Website nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Mai Huyền Thu Hoài

